

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của  
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange  
on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 29/HLG-CBTT/2018

Long An, ngày 13 tháng 08 năm 2018  
\_\_\_\_\_, day month year

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: **HLG**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 68 Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0272.3872848
- Fax: 0272.3655335/ 0272.3872589
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Phạm Phúc Toại  
Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  *Periodic*  *Irregular*  *24 hours*  *On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét 6 tháng 2018;
- Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét 6 tháng 2018;
- Giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng 2018;
- Giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC riêng đã được soát xét 6 tháng 2018;
- Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại báo cáo soát xét thông tin tài chính 6 tháng 2018.



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2018 tại đường dẫn <http://hoanglonggroup.com/QH-co-dong/>

**Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.**

*In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.*

Lý do/ Reason: .....

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..../..../..... tại đường dẫn: <http://www.hoanglonggroup.com/>

*This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date ..../...../..... Available at: http://*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative/Party authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*(Signature, full name, position, and seal)*



*Phạm Phúc Coai*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 – 46

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 từ trang 06 đến trang 46 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Bà Phạm Thúy An	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Đặng Hoàng Phương	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Lê Thị Ngọc Điền	Trưởng Ban
Bà Đặng Thị Kim Nguyệt	Thành viên
Bà Trần Ngọc Yến	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trúc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY).

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Công ty là Công ty mẹ của Công ty con được trình bày tại thuyết minh số 12 và Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con ("Nhóm Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cùng kỳ kế toán để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,



Nguyễn Quốc Đạo

Tổng Giám Đốc

Long An, ngày 13 tháng 08 năm 2018



Số: 210/2018/UHYHCM-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư tại ngày 30/06/2018 của các khoản Người mua trả tiền trước với giá trị là 11.408.466.757 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 12 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận soát xét đã trình bày.



**Lương Ngô Bảo Trân**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 1828-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>679.371.432.414</b>	<b>604.979.360.566</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>211.975.305</b>	<b>409.115.925</b>
Tiền	111		211.975.305	409.115.925
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>653.732.570.129</b>	<b>577.265.658.745</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	180.274.188.940	86.178.606.455
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		246.074.949	221.616.949
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	459.201.287.063	430.326.600.057
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	22.141.520.582	70.322.103.740
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	9	(8.130.501.405)	(9.783.268.456)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>25.269.104.293</b>	<b>27.208.829.741</b>
Hàng tồn kho	141		25.269.104.293	27.208.829.741
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>157.782.687</b>	<b>95.756.155</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		107.648.731	45.622.199
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	50.133.956	50.133.956
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>554.231.369.435</b>	<b>555.148.363.054</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.240.606.736</b>	<b>3.474.867.466</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.240.606.736	3.474.867.466
- Nguyên giá	222		5.564.290.028	5.564.290.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.323.683.292)	(2.089.422.562)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>51.551.137</b>	<b>22.102.795</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		51.551.137	22.102.795
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>452.788.114.859</b>	<b>449.462.411.115</b>
Đầu tư vào công ty con	251		360.566.279.000	360.566.279.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		133.125.000.000	133.125.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(40.903.164.141)	(44.228.867.885)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.151.096.703</b>	<b>22.188.981.678</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.099.833.781	3.150.144.255
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	15.051.262.922	19.038.837.423
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.233.602.801.849</b>	<b>1.160.127.723.620</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>609.405.834.968</b>	<b>569.208.448.660</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>344.812.014.153</b>	<b>281.791.551.045</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	124.238.908.730	65.882.668.559
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	5.187.192.212	5.870.629.636
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	828.192.562	822.545.638
Phải trả người lao động	314		307.174.740	757.830.872
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	243.069.760	240.774.189
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		181.900.000	170.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	34.598.798.973	36.422.806.715
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	163.692.419.876	156.044.803.536
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.534.357.300	15.579.491.900
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>264.593.820.815</b>	<b>287.416.897.615</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	16	6.821.274.545	7.851.274.545
Chi phí phải trả dài hạn	333	18	17.231.895.670	17.231.895.670
Phải trả dài hạn khác	337	19	255.000.000	255.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	240.285.650.600	262.078.727.400
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>624.196.966.881</b>	<b>590.919.274.960</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>624.196.966.881</b>	<b>590.919.274.960</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443.753.850.000	443.753.850.000
Cổ phiếu quỹ	415		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		36.479.743.076	36.479.743.076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		151.463.373.805	118.185.681.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.076.654.884	530.516.083
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.386.718.921	117.655.165.801
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.233.602.801.849</b>	<b>1.160.127.723.620</b>

Long An, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>298.521.953.485</b>	<b>314.618.369.640</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	298.800.000	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>298.223.153.485</b>	<b>314.618.369.640</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>288.847.631.525</b>	<b>277.418.005.045</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.375.521.960</b>	<b>37.200.364.595</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	41.881.161.793	48.737.031.044
Chi phí tài chính	22	27	11.469.529.928	15.016.232.300
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.220.386.940	11.705.032.345
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.164.668.563	(1.984.072.830)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>38.622.485.262</b>	<b>72.905.236.169</b>
Thu nhập khác	31	29	163.528.182	43.491.817
Chi phí khác	32	30	1.411.720.022	588.074.197
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.248.191.840)</b>	<b>(544.582.380)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>37.374.293.422</b>	<b>72.360.653.789</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	3.987.574.501	8.714.131.394
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>33.386.718.921</b>	<b>63.646.522.395</b>

Long An, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>37.374.293.422</b>	<b>72.360.653.789</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	234.260.730	315.788.460
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	(4.978.470.795)	(1.698.816.371)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	04	3.562.295.332	(137.242.909)
Chi phí lãi vay	05	(41.876.463.969)	(48.559.460.121)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.536.301.660</b>	<b>33.985.955.193</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(94.496.127.017)	28.059.440.279
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.910.277.106	(2.753.827)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	55.055.066.484	(1.377.387.895)
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	50.310.474	39.921.084
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.254.036.292)	(17.001.486.082)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(45.134.600)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(44.243.342.185)</b>	<b>43.703.688.752</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87.319.710.850)	(119.024.011.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	58.445.023.844	74.084.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.371.107.127	1.163.420
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>61.496.420.121</b>	<b>(44.938.847.580)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017	
		đến 30/06/2018	đến 30/06/2017	
		VND	VND	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	178.370.664.700	308.584.165.919	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(195.821.748.000)	(308.046.227.883)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.451.083.300)</b>	<b>537.938.036</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(198.005.364)</b>	<b>(697.220.792)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>409.115.925</b>	<b>713.654.085</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	864.744	137.242.909	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>211.975.305</b>	<b>153.676.202</b>

Long An, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc

Ông Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100414052 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ mười ba (13) vào ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính: Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 là 443.753.850.000 đồng.

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác đất; Khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng: Nhà ở, công trình giao thông, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình thủy lợi; Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Bán buôn thực phẩm, nông/lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa);
- Thoát nước và xử lý nước thải; Thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh phân bón các loại.

#### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

#### 1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và dịch vụ. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

#### 1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 1100414052-003. Địa chỉ tại: Số 281 - 283 (Lầu 3-4) An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh này đã ngưng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 01/8/2017.

Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được Thuyết minh ở mục số 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.7 KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2017/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan đến lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 147. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	05- 08
Phương tiện vận tải	06- 10
Thiết bị Văn phòng	03- 05
Tài sản cố định khác	03

#### 4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê đất tại nhà máy nước ngầm và Cụm công nghiệp Long Cang. Chi phí này được xác định theo thời gian thuê và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian thực tế thuê là 50 năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được xác định căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.8 NGUYÊN TẮC Ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 4.9 NGUYÊN TẮC Ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Giá vốn của Cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

#### 4.12 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### 4.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch là Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - chi nhánh Đồng Tháp;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào chi phí hoặc doanh thu tài chính và chênh lệch do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### 4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

##### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán mì lát và khô dầu đậu tương của đơn vị thuộc đối tượng không tính thuế; lãi cho vay thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và doanh thu cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong kỳ bao gồm: hoạt động kinh doanh thương mại của mặt hàng mì lát và khô dầu đậu tương và các hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 4.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con và Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	682.044	9.602.536
Tiền gửi ngân hàng	211.293.261	399.513.389
<b>Cộng</b>	<b>211.975.305</b>	<b>409.115.925</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>180.274.188.940</b>	<b>86.178.606.455</b>
- Công ty TNHH SX TM Dịch vụ Kim Hoàng Long	165.084.477.082	69.395.013.597
- Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	132.000.000	88.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.200.986.858	7.838.867.858
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>174.073.202.082</b>	<b>78.339.738.597</b>
- Công ty TNHH SX TM Dịch vụ Kim Hoàng Long	165.084.477.082	69.395.013.597
- Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	132.000.000	88.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>459.201.287.063</b>	<b>430.326.600.057</b>
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long (1)	448.233.576.213	429.634.600.057
- Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong (2)	10.275.710.850	-
- Công Ty TNHH SX Thương mại Dịch vụ Thanh Thy (3)	542.000.000	542.000.000
- Ông Mai Tiến Dũng (3)	150.000.000	150.000.000
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long (4)	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>Phải thu về cho vay là bên liên quan</b>	<b>459.051.287.063</b>	<b>430.176.600.057</b>
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	448.233.576.213	429.634.600.057
- Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	10.275.710.850	-
- Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	542.000.000	542.000.000

- (1) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay ngắn hạn tại ngày 30/06/2018 theo hợp đồng vay vốn số 04/2018/HĐCVV\_TĐHL-CBTS ngày 01/01/2018, lãi suất cho vay là 6%/năm.
- (2) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong vay ngắn hạn tại ngày 30/06/2018 theo hợp đồng vay vốn số 06/2018/HĐCVV\_TĐHL-MK ngày 01/06/2018, thời gian vay 12 tháng kể từ 01/06/2018, lãi suất cho vay 7,5%/năm.
- (3) Các khoản tiền cho mượn này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100%.
- (4) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay dài hạn tại ngày 30/06/2018 theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/12/2017, lãi suất cho vay là 6%/năm, thời hạn vay đến 31/12/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>22.141.520.582</b>	<b>(1.317.823.398)</b>	<b>70.322.103.740</b>	<b>(1.317.823.398)</b>
- Tiền tạm ứng	27.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	17.789.385.970	-	8.817.597.115	-
+ <i>Tiền lãi cho vay</i>	27.419.036	-	10.004.532	-
+ <i>Lợi nhuận phải thu</i>	17.761.966.934	-	8.807.592.583	-
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hoàng Long	2.720.251.214	-	60.186.683.227	-
+ <i>Tiền lãi cho vay</i>	2.720.251.214	-	60.186.683.227	-
+ <i>Lợi nhuận</i>	-	-	-	-
- Phải thu khác	1.604.883.398	(1.317.823.398)	1.317.823.398	(1.317.823.398)
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>20.596.697.184</b>	-	<b>69.004.280.342</b>	-
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	17.789.385.970	-	8.817.597.115	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	2.720.251.214	-	60.186.683.227	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	87.060.000	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**9. NỢ XẤU**

	Tại 30/06/2018			Tại 01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Thực Phẩm An Long	-	-	-	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-
- Bà Phạm Thị Nguyễn	492.610.800	(492.610.800)	-	492.610.800	(492.610.800)	-
- Bà Phạm Thị Hoàng	403.557.000	(403.557.000)	-	403.557.000	(403.557.000)	-
- Công ty TNHH VLXD Hạ Long	357.821.212	(357.821.212)	-	357.821.212	(357.821.212)	-
- Bà Phạm Thị Hà	278.439.800	(278.439.800)	-	278.439.800	(278.439.800)	-
- Các khoản khác	16.373.984.549	(6.598.072.593)	9.775.911.956	6.650.839.644	(6.650.839.644)	-
<b>Cộng</b>	<b>17.906.413.361</b>	<b>(8.130.501.405)</b>	<b>9.775.911.956</b>	<b>9.783.268.456</b>	<b>(9.783.268.456)</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	598.500	-	-	-
Thành phẩm bất động sản	25.268.505.793	-	27.208.829.741	-
<b>Cộng</b>	<b>25.269.104.293</b>	<b>-</b>	<b>27.208.829.741</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2018	4.880.431.846	652.221.818	31.636.364	5.564.290.028
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 30/06/2018	<u>4.880.431.846</u>	<u>652.221.818</u>	<u>31.636.364</u>	<u>5.564.290.028</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2018	(1.405.564.380)	(652.221.818)	(31.636.364)	(2.089.422.562)
- Khấu hao trong kỳ	(234.260.730)	-	-	(234.260.730)
Tại 30/06/2018	<u>(1.639.825.110)</u>	<u>(652.221.818)</u>	<u>(31.636.364)</u>	<u>(2.323.683.292)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2018	3.474.867.466	-	-	3.474.867.466
Tại 30/06/2018	<u>3.240.606.736</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.240.606.736</u>

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 683.858.182 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2018			Tại 01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>a) Đầu tư vào công ty con (1)</b>	<b>360.566.279.000</b>	<b>373.850.835.777</b>	<b>(39.368.468.934)</b>	<b>360.566.279.000</b>	<b>373.161.816.045</b>	<b>(42.734.553.840)</b>
- Công Ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	30.000.000.000	30.247.555.647	-	30.000.000.000	30.074.567.957	-
- Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	100.000.000.000	152.405.470.064	-	100.000.000.000	155.255.522.928	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Hoàng	160.566.279.000	131.062.238.602	(29.504.040.398)	160.566.279.000	127.071.645.682	(33.494.633.318)
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	70.000.000.000	60.135.571.464	(9.864.428.536)	70.000.000.000	60.760.079.478	(9.239.920.522)
<b>b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)</b>	<b>133.125.000.000</b>	<b>131.590.304.793</b>	<b>(1.534.695.207)</b>	<b>133.125.000.000</b>	<b>131.630.685.955</b>	<b>(1.494.314.045)</b>
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	133.125.000.000	131.590.304.793	(1.534.695.207)	133.125.000.000	131.630.685.955	(1.494.314.045)
<b>Cộng</b>	<b>493.691.279.000</b>	<b>505.441.140.570</b>	<b>(40.903.164.141)</b>	<b>493.691.279.000</b>	<b>504.792.502.000</b>	<b>(44.228.867.885)</b>

(1) Khoản đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 100%.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty liên kết với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 30%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
- Tiền thuê đất tại nhà máy nước ngầm và Cụm công nghiệp Long Cang	3.051.349.937	3.091.271.021
- Công cụ dụng cụ	48.483.844	58.873.234
<b>Cộng</b>	<b>3.099.833.781</b>	<b>3.150.144.255</b>

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.669.137.721	2.609.465.607
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	12.382.125.201	16.429.371.816
<b>Cộng</b>	<b>15.051.262.922</b>	<b>19.038.837.423</b>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>124.238.908.730</b>	<b>124.238.908.730</b>	<b>65.882.668.559</b>	<b>65.882.668.559</b>
- Công ty TNHH Thương Mại Thạnh Đông	41.916.686.335	41.916.686.335	16.339.356.450	16.339.356.450
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	67.307.383.900	67.307.383.900	33.674.652.960	33.674.652.960
- Chia tung Development Co., Ltd	7.529.778.046	7.529.778.046	7.445.953.764	7.445.953.764
- Công Ty TNHH MTV TM Hải Long Hoa	4.607.758.000	4.607.758.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ông Lê Ngọc Ánh	937.259.899	937.259.899	489.392.835	489.392.835
- Các đối tượng khác	1.940.042.550	1.940.042.550	1.933.312.550	1.933.312.550
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>46.045.000</b>	<b>46.045.000</b>	<b>22.815.000</b>	<b>22.815.000</b>
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	46.045.000	46.045.000	22.815.000	22.815.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.187.192.212</b>	<b>5.870.629.636</b>
- Ban QLDA Công trình Ngành Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp	3.306.069.000	3.306.069.000
- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	-	764.252.000
- Công ty TNHH MTV XD TM DV Cẩm Anh	950.000.000	-
- Bà Trần Thị Cẩm	-	423.808.000
- Ông Phạm Hoàng Long	600.000.000	-
- Bà Nguyễn Phượng Mỹ Linh	-	700.000.000
- Các đối tượng khác	331.123.212	676.500.636
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.821.274.545</b>	<b>7.851.274.545</b>
- Bà Nguyễn Thị Tú Anh	1.354.800.000	1.354.800.000
- Ông Vũ Văn An	612.400.000	612.400.000
- Ông Trần Lê Hiệp	456.000.000	456.000.000
- Bà Công Huyền Tôn Nữ Thị Xuân Thương	414.000.000	414.000.000
- Ông Lương Văn Minh	352.640.000	352.640.000
- Ông Nguyễn Thái Thịnh	347.400.000	347.400.000
- Bà Lê Thị My Na	351.000.000	351.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	317.200.000
- Các đối tượng khác	2.933.034.545	3.645.834.545



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải nộp</b>	<b>822.545.638</b>	<b>241.878.111</b>	<b>236.231.187</b>	<b>828.192.562</b>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.736.930	2.736.930	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.213.338	-	-	204.213.338
- Thuế thu nhập cá nhân	52.992.750	185.222.485	179.575.561	58.639.674
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	37.108.687	37.108.687	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	8.332.000	8.332.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	565.339.550	8.478.009	8.478.009	565.339.550
<b>b. Phải thu</b>	<b>50.133.956</b>	-	-	<b>50.133.956</b>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	50.133.956	-	-	50.133.956

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>243.069.760</b>	<b>240.774.189</b>
- Chi phí lãi vay	203.069.760	200.774.189
- Chi phí phải trả khác	40.000.000	40.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>17.231.895.670</b>	<b>17.231.895.670</b>
- Trích trước chi phí công trình Long Kim 2 (*)	17.231.895.670	17.231.895.670

(\*) Khu dân cư Long Kim 2 do Công ty Cổ phần Hoàng Long – Long An (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long) làm chủ đầu tư. Theo quy hoạch, khu dân cư có tổng diện tích đất 240.452 m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chủ đầu tư dự án đã được giao đất theo quyết định số 4586/QĐ-UB ngày 15/11/2004 và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh Long An. Theo đó, dự án đáp ứng các chỉ tiêu của đô thị loại 4, với quy mô dân số 4.500 người. Được khởi công xây dựng từ năm 2007, đến nay tại Long Kim 2 cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án đã hoàn thành cơ bản, chủ đầu tư đã mở bán các nền nhà cho khách hàng có nhu cầu. Tuy nhiên, còn một số hạng mục chưa được xây dựng hoặc mới hoàn thành các khu vực đã phủ dân cư. Để đảm bảo tính đủ doanh thu tương ứng giá vốn đã bán, Công ty trích thêm chi phí phải thực hiện cho các hạng mục chưa thực hiện hoặc chưa hoàn thành trên cơ sở dự toán hạng mục đã được phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>34.598.798.973</b>	<b>36.422.806.715</b>
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	38.506.676	55.725.576
- Phải trả lãi vay	27.933.952.845	28.969.897.768
+ Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	4.255.557.266	3.409.779.487
+ Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng long	7.478.440.303	8.970.801.998
+ Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	17.636.666	51.767.484
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp	16.182.318.610	16.537.548.799
- CN Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Hoàng Long Mywaone	4.120.868.585	4.120.868.585
- Ông Phạm Phúc Toại	598.472.826	1.010.002.511
- Ông Phạm Hoàng Long	197.096.130	198.932.510
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.709.901.911	2.067.379.765
<b>Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</b>	<b>12.547.203.191</b>	<b>13.694.883.990</b>
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	4.255.557.266	3.409.779.487
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng long	7.478.440.303	9.024.401.998
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	17.636.666	51.767.484
- Ông Phạm Phúc Toại	598.472.826	1.010.002.511
- Ông Phạm Hoàng Long	197.096.130	198.932.510
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>255.000.000</b>	<b>255.000.000</b>
- Nhận ký quỹ	255.000.000	255.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2018		Trong kỳ		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>163.692.419.876</b>	<b>163.692.419.876</b>	<b>203.469.364.340</b>	<b>195.821.748.000</b>	<b>156.044.803.536</b>	<b>156.044.803.536</b>
- Nợ vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex Đồng Tháp	52.134.831.400	52.134.831.400	25.098.699.640		27.036.131.760	27.036.131.760
- Công Ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long (1)	30.297.354.360	30.297.354.360			30.297.354.360	30.297.354.360
- Công Ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long (2)	47.353.979.760	47.353.979.760	8.220.000.000	12.702.748.000	51.836.727.760	51.836.727.760
- Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong (3)	-	-	13.450.000.000	26.254.000.000	12.804.000.000	12.804.000.000
- Công Ty ĐT & PT Hạ Tầng Hoàng Long (4)	33.906.254.356	33.906.254.356	985.664.700	1.150.000.000	34.070.589.656	34.070.589.656
- Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long (5)	-	-	155.715.000.000	155.715.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>240.285.650.600</b>	<b>240.285.650.600</b>	<b>2.996.502.600</b>	<b>24.789.579.400</b>	<b>262.078.727.400</b>	<b>262.078.727.400</b>
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex Đồng Tháp	240.285.650.600	240.285.650.600	2.996.502.600	24.789.579.400	262.078.727.400	262.078.727.400

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Vay Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn số 02/2018/HĐVV\_TX\_TĐHL ngày 01/01/2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay cho đến ngày 31/12/2018 và lãi suất vay theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp):**

(2) Vay Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương mại Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 03/2018/HĐVV\_CNTM\_TĐHL ngày 01/01/2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay theo sự thỏa thuận của 2 bên căn cứ vào lãi suất vay của ngân hàng tại từng thời điểm.

(3) Vay Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong theo Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2017-MK-TĐHL ngày 02/01/2017 và phụ lục số 01PL/02/HĐVV/2017-MK-TĐHL ngày 01/01/2018; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/năm.

(4) Vay Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn ngày 01/10/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.

(5) Vay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn số 05/2018/HĐVV\_KHL\_TĐHL ngày 01/03/2018, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.

**Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:**

Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 149/2011/HMTD/NH-PN/PGB ngày 29/03/2011 (Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 20/03/2015 từ khoản vay ngắn hạn thành khoản vay trung hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 14.370.770 USD;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, cá tra nguyên liệu chế biến xuất khẩu;
- Thời hạn trả nợ: từ quý 1/2018 đến quý 3/2023;
- Lãi suất vay: được ghi trên từng giấy nhận nợ tương ứng;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng 11.020.760 cổ phiếu HLG bao gồm 9.770.760 cổ phiếu của bà Lê Ngọc Ánh, 1.008.000 cổ phiếu của ông Phạm Hoàng Long và 242.000 cổ phiếu của bà Phạm Thị Thu Hiền có giá trị 88.166.080.000 đồng cho khoản vay tối đa là 52.899.000.000 đồng; Phần còn lại của hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản, hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>533.216.083</b>	<b>473.266.809.159</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	117.655.165.801	117.655.165.801
- Chia cổ tức những năm trước	-	-	-	(2.700.000)	(2.700.000)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>118.185.681.884</b>	<b>590.919.274.960</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>118.185.681.884</b>	<b>590.919.274.960</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	-	33.386.718.921	33.386.718.921
- Chia cổ tức những năm trước	-	-	-	(109.027.000)	(109.027.000)
<b>Tại 30/06/2018</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>151.463.373.805</b>	<b>624.196.966.881</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Tại 30/06/2018	Tỷ lệ	Tại 01/01/2018
	%	Giá trị VND	%	Giá trị VND
- Bà Lê Ngọc Ánh	34,74%	154.176.750.000	34,74%	154.176.750.000
- Ông Phạm Phúc Toại	25,09%	111.331.970.000	25,09%	111.331.970.000
- Ông Lê Tuấn Kiệt	6,76%	30.017.500.000	6,76%	30.017.500.000
- Cổ phiếu quỹ	0,34%	1.500.000.000	0,34%	1.500.000.000
- Các cổ đông khác	33,07%	146.727.630.000	33,07%	146.727.630.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>100%</b>	<b>443.753.850.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**c) Cổ phiếu**

	<u>Tại 30/06/2018</u>	<u>Tại 01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	150.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	44.225.385	44.225.385
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ Cổ phiếu)	10.000	10.000

**d) Các quỹ công ty**

	<u>Tại 30/06/2018</u>	<u>Tại 01/01/2018</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.479.743.076	36.479.743.076

**22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tại 30/06/2018</u>	<u>Tại 01/01/2018</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	3.394,50	3.484,64

**23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017</u>
	<u>đến 30/06/2018</u>	<u>đến 30/06/2017</u>
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh thương mại	293.528.463.485	313.933.217.140
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.000.200.000	49.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	993.290.000	635.652.500
<b>Cộng</b>	<b>298.521.953.485</b>	<b>314.618.369.640</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại mục 34 của thuyết minh BCTC)</b>	<b>293.648.463.485</b>	<b>313.933.217.140</b>

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Từ 01/01/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017</u>
	<u>đến 30/06/2018</u>	<u>đến 30/06/2017</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	298.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>298.800.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn kinh doanh thương mại	286.004.894.535	276.646.445.830
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.940.323.948	12.946.173
Giá vốn cung cấp dịch vụ	902.413.042	758.613.042
<b>Cộng</b>	<b>288.847.631.525</b>	<b>277.418.005.045</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi	776.935	1.163.420
Lãi cho vay từ các công ty con trong tập đoàn	27.419.036	36.155.417
Lãi cho vay từ các công ty ngoài tập đoàn	16.111.544.143	19.697.193.467
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.697.824	40.328.014
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	-	137.242.909
Lợi nhuận từ các công ty con chuyển về (Cổ tức)	25.736.723.855	28.824.947.817
<b>Cộng</b>	<b>41.881.161.793</b>	<b>48.737.031.044</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	7.345.152.524	7.600.299.255
Lãi vay nội bộ Tập đoàn	3.875.234.416	4.104.733.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.551.400	7.115.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ	3.562.295.332	-
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(3.325.703.744)	3.304.084.346
<b>Cộng</b>	<b>11.469.529.928</b>	<b>15.016.232.300</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.817.435.614</b>	<b>3.018.827.887</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.146.624.230	1.980.575.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.122.045	6.749.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.958.162	107.096.502
Thuế, phí và lệ phí	50.954.869	92.595.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.623.325	204.451.343
Chi phí khác bằng tiền	259.565.254	590.418.197
Chi phí không được quyết toán	38.587.729	36.941.433
<b>b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(1.652.767.051)</b>	<b>(5.002.900.717)</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.652.767.051)	(5.002.900.717)
<b>Cộng</b>	<b>1.164.668.563</b>	<b>(1.984.072.830)</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Phí đo đạc đất	17.008.182	43.491.817
Thu nhập từ tiền phạt, tiền bồi thường	146.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b>163.528.182</b>	<b>43.491.817</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi phạt nợ quá hạn	993.936.373	588.074.197
Phạt do vi phạm hợp đồng	417.783.649	-
<b>Cộng</b>	<b>1.411.720.022</b>	<b>588.074.197</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>a. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.475.562.958	72.324.099.962
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(30.266.392.946)	(28.788.006.384)
Các khoản điều chỉnh tăng	38.070.653	36.941.433
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.304.463.599)	(28.824.947.817)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>5.209.170.012</b>	<b>43.536.093.578</b>
Chuyển lỗ năm trước	(5.209.170.012)	(43.536.093.578)
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.898.730.464	36.553.827
Các khoản điều chỉnh tăng	517.076	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(411.595.795)	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>1.487.651.745</b>	<b>36.553.827</b>
Chuyển lỗ năm trước	(1.487.651.745)	(36.553.827)
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành HĐKD BĐS</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Thuế TNDN phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(59.672.114)	(398.087)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.047.246.615	8.714.529.481
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>3.987.574.501</b>	<b>8.714.131.394</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	2.146.624.230	1.980.575.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.122.045	6.749.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.260.730	341.357.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.623.325	204.451.343
Chi phí khác bằng tiền	259.565.254	606.118.197
<b>Cộng</b>	<b>2.926.195.584</b>	<b>3.139.251.829</b>

**34. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	Công ty con
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Mê Kông	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II	Công ty cùng người kiểm soát
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	Công ty cùng người kiểm soát

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>293.648.463.485</b>	<b>313.933.217.140</b>
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	293.528.463.485	308.869.717.140
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	-	5.063.500.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	120.000.000	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa</b>	<b>121.790.912</b>	<b>7.754.621.050</b>
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	121.790.912	92.338.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	7.662.283.050
<b>Lãi cho vay</b>	<b>16.138.963.179</b>	<b>19.733.348.884</b>
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	16.111.544.143	19.697.193.467
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	27.419.036	36.155.417
<b>Lãi đi vay</b>	<b>3.875.234.416</b>	<b>4.104.733.090</b>
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	2.493.298.305	2.287.758.122
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	1.045.777.779	1.401.670.846
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	336.158.332	415.304.122
<b>Cho mượn tiền, cho vay vốn</b>	<b>87.319.710.850</b>	<b>119.024.011.000</b>
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hoàng Long	76.000.000.000	95.410.000.000
- Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	10.575.710.850	15.114.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	744.000.000	8.500.011.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</u>
<b>Mượn tiền, vay tiền</b>	<b>178.170.664.700</b>	<b>304.284.165.919</b>
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	-	6.800.000.000
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	8.220.000.000	21.257.000.000
- Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	13.450.000.000	67.331.611.181
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	585.664.700	8.157.554.738
- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	140.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	155.715.000.000	200.598.000.000
- Ông Phạm Phúc Toại	200.000.000	-
 <u>Số dư với các bên liên quan</u>	 <u>Tại 30/06/2018 VND</u>	 <u>Tại 01/01/2018 VND</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>174.073.202.082</b>	<b>78.339.738.597</b>
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	165.084.477.082	69.395.013.597
- Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	132.000.000	88.000.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	-	-
<b>Phải thu về cho vay, cho mượn ngắn hạn</b>	<b>459.051.287.063</b>	<b>430.176.600.057</b>
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	448.233.576.213	429.634.600.057
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	10.275.710.850	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>20.596.697.184</b>	<b>69.004.280.342</b>
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	2.720.251.214	60.186.683.227
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	17.789.385.970	8.817.597.115
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	87.060.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

<u>Số dư với các bên liên quan (tiếp)</u>	Tại 30/06/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>46.045.000</b>	<b>22.815.000</b>
- Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long	46.045.000	22.815.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>600.000.000</b>	-
- Ông Phạm Hoàng Long	600.000.000	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>12.547.203.191</b>	<b>13.694.883.990</b>
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	4.255.557.266	3.409.779.487
- Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long	7.478.440.303	9.024.401.998
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	17.636.666	51.767.484
- Ông Phạm Phúc Toại	598.472.826	1.010.002.511
- Ông Phạm Hoàng Long	197.096.130	198.932.510
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>111.557.588.476</b>	<b>129.008.671.776</b>
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	30.297.354.360	30.297.354.360
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	47.353.979.760	51.836.727.760
- Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	-	12.804.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	33.906.254.356	34.070.589.656
<b><u>Thu nhập của Ban điều hành</u></b>	<b>Từ 01/01/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017</b>
	<b>đến 30/06/2018</b>	<b>đến 30/06/2017</b>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	922.046.001	766.375.231

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ 30/06/2018 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	211.975.305	409.115.925
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.977.208.117	146.717.441.739
Tài sản tài chính khác	538.509.287.063	510.326.600.057
<b>Tổng cộng</b>	<b>733.698.470.485</b>	<b>657.453.157.721</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	403.978.070.476	418.123.530.936
Phải trả người bán và phải trả khác	159.054.201.027	102.560.475.274
Chi phí phải trả	17.474.965.430	17.472.669.859
<b>Tổng cộng</b>	<b>580.507.236.933</b>	<b>538.156.676.069</b>

**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

***Rủi ro tỷ giá***

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

***Rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Rủi ro thanh khoản (tiếp)*

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	211.975.305	-	-	211.975.305
Phải thu khách hàng, phải thu khác	194.977.208.117	-	-	194.977.208.117
Phải thu về cho vay	458.509.287.063	80.000.000.000	-	538.509.287.063
<b>Cộng</b>	<b>653.698.470.485</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>733.698.470.485</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	409.115.925	-	-	409.115.925
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.717.441.739	-	-	146.717.441.739
Phải thu về cho vay	430.326.600.057	80.000.000.000	-	510.326.600.057
<b>Cộng</b>	<b>577.453.157.721</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>657.453.157.721</b>

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	163.692.419.876	240.285.650.600	-	403.978.070.476
Phải trả người bán, phải trả khác	158.799.201.027	255.000.000	-	159.054.201.027
Chi phí phải trả	243.069.760	17.231.895.670	-	17.474.965.430
<b>Cộng</b>	<b>322.734.690.663</b>	<b>257.772.546.270</b>	<b>-</b>	<b>580.507.236.933</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	156.044.803.536	262.078.727.400	-	418.123.530.936
Phải trả người bán, phải trả khác	102.305.475.274	255.000.000	-	102.560.475.274
Chi phí phải trả	240.774.189	17.231.895.670	-	17.472.669.859
<b>Cộng</b>	<b>258.591.052.999</b>	<b>279.565.623.070</b>	<b>-</b>	<b>538.156.676.069</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Rủi ro thanh khoản (tiếp)*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty.

**38. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét.

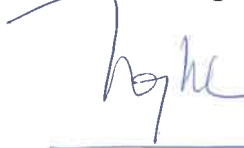
Long An, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Quốc Đạo





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**HOANG LONG GROUP**

AD: 68 Nguyen Trung Truc, Ben Luc District,, Long An Province

☎: (072) 3872.848

E-mail: info@hoanglonggroup.com

www.hoanglonggroup.com

Số: 31/CV-HLG/2018

Bến Lức, ngày 13 tháng 08 năm 2018

“Giải trình kết quả kinh doanh  
trên BCTC riêng đã được soát xét  
6 tháng năm 2018”

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (mã chứng khoán: HLG) giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh của 6 tháng năm 2018 so với 6 tháng năm 2017 như sau:

- + Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2017 là: 63.646.522.395 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2018 là: 33.386.718.921 đồng

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2018 giảm 30.259.803.474 đồng so với 6 tháng năm 2017 là do các nguyên nhân sau:

- Chủ yếu giá nguyên liệu thức ăn thủy sản mua vào tăng làm cho giá vốn tăng cao dẫn đến lợi nhuận gộp giảm mạnh khoảng 27,8 tỷ đồng, trong khi đó nguồn thu từ mảng kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ nhỏ không đủ bù đắp;
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 6,9 tỷ đồng: chủ yếu giảm từ khoản thu lãi cho vay và lợi nhuận đầu tư;
- Chi phí tài chính giảm và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương đương nên không ảnh hưởng kết quả kinh doanh;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại giảm 4,7 tỷ.

Do đó, lợi nhuận sau thuế kỳ này giảm khoảng 30 tỷ đồng so cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung những thông tin trên.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**



**NGUYỄN QUỐC ĐẠO**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**  
**HOANG LONG GROUP**

AD: 68 Nguyen Trung Truc, Ben Luc District., Long An Province  
☎: (0272) 3872.848 E-mail: info@hoanglonggroup.com

www.hoanglonggroup.com

Số: 32/CV-HLG/2018

Bến Lức, ngày 13 tháng 08 năm 2018

*“Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ  
tại báo cáo soát xét thông tin tài chính  
giữa niên độ”*

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**
- Mã chứng khoán: **HLG**

Theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 13/08/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ như sau:

**I. Đối với Báo cáo soát xét riêng:**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư tại ngày 30/06/2018 của các khoản Người mua trả tiền trước với giá trị là 11.408.466.757 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng.

**II. Đối với Báo cáo soát xét hợp nhất:**

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư tại ngày 30/06/2018 của các khoản Người mua trả tiền trước với giá trị là 11.408.466.757 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.
- Tại ngày 30/06/2018, chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” (MS 241) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là 69.608.783.323 đồng, trong đó Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển hạ tầng Hoàng Long là 69.557.232.186 đồng. Đây là chi phí thực hiện các công trình thi công, được thực hiện qua nhiều niên độ tài chính. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển hạ tầng Hoàng Long đã được kiểm toán với ý kiến ngoại trừ về khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” nêu trên do chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



\* Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long xin giải trình như sau:

**I. Đối với Báo cáo soát xét riêng:**

Các khoản Người mua trả tiền trước với giá trị là 11.408.466.757 đồng gồm:

- Hoạt động thi công công trình: 3.306.069.000 đồng là do chưa hoàn thành hồ sơ quyết toán công trình.
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản: 8.102.397.757 đồng là do khách hàng chưa gửi phản hồi thư xác nhận.

**II. Đối với Báo cáo soát xét hợp nhất:**

1. Các khoản Người mua trả tiền trước với giá trị là 11.408.466.757 đồng gồm:

- Hoạt động thi công công trình: 3.306.069.000 đồng là do chưa hoàn thành hồ sơ quyết toán công trình.
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản: 8.102.397.757 đồng là do khách hàng chưa gửi phản hồi thư xác nhận.

2. Chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” (MS 241) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là 69.608.783.323 đồng. Đây là dự án đầu tư khu dân cư, khu công nghiệp nên thời gian thực hiện đầu tư kéo dài nhiều năm. Đồng thời, do ảnh hưởng bởi sự thay đổi của các quy định pháp luật liên quan nên thời gian hoàn thành dự án bị kéo dài so với tiến độ dự kiến.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**



**NGUYỄN QUỐC ĐẠO**

**XÁC NHẬN CỦA**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY -CN TẠI TP.HỒ CHÍ MINH**



**LƯƠNG NGÔ BẢO TRÂN**